

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SCT ngày tháng 10 năm 2021 của Sở Công Thương Gia Lai)

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Tổng biên chế công chức do HĐND tỉnh giao năm 2021 | Tổng biên chế công chức theo Đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt | Biên chế thực tế sử dụng đến 30/9/2021 | Biên chế chưa sử dụng đến 30/9/2021 | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------------|---------|
| 1   | 2                   | 3                                                  | 4                                                                                               | 5                                      | 6                                   | 7       |
| 1   | Sở Công Thương      | 36                                                 | 36                                                                                              | 36                                     | 0                                   |         |

**THỐNG KÊ BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC CỤ THỂ THEO DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM  
CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG ĐÃ BỐ TRÍ SỬ DỤNG**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SCT ngày tháng 10 năm 2021 của Sở Công Thương Gia Lai)

| STT | Danh mục vị trí việc làm                                                    | Chức vụ lãnh đạo, quản lý | Chức vụ nghề nghiệp tương ứng | Biên chế được giao | Đã bố trí sử dụng đến 30/9/2021 | Chưa bố trí sử dụng đến 30/9/2021 | Ghi chú  |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------|-----------------------------------|----------|
| 1   | 2                                                                           | 3                         | 4                             | 5                  | 6                               | 7                                 | 8        |
| I   | <b>Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý điều hành</b>     | <b>20</b>                 | <b>0</b>                      | <b>20</b>          | <b>20</b>                       | <b>0</b>                          | <b>0</b> |
| 1   | Vị trí cấp trưởng                                                           | 1                         | 0                             | 1                  | 1                               | 0                                 |          |
| 2   | Vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị                                    | 2                         | 0                             | 2                  | 2                               | 0                                 |          |
| 3   | Vị trí cấp trưởng đơn vị thuộc và trực thuộc                                | 6                         | 0                             | 6                  | 6                               | 0                                 |          |
| 4   | Vị trí cấp phó của người đứng đầu đơn vị thuộc và trực thuộc                | 11                        | 0                             | 11                 | 11                              | 0                                 |          |
| II  | <b>Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ</b> | <b>13</b>                 | <b>0</b>                      | <b>13</b>          | <b>13</b>                       | <b>0</b>                          | <b>0</b> |
| 1   | Vị trí việc làm Thanh tra                                                   | 1                         | 0                             | 1                  | 1                               | 0                                 |          |

|            |                                                             |           |          |           |           |          |          |
|------------|-------------------------------------------------------------|-----------|----------|-----------|-----------|----------|----------|
| 2          | Vị trí việc làm pháp chế                                    | 1         | 0        | 1         | 1         | 0        |          |
| 3          | Vị trí việc làm Quản lý khuyến công                         | 1         | 0        | 1         | 1         | 0        |          |
| 4          | Vị trí việc làm Quản lý tiểu thủ công nghiệp                | 1         | 0        | 1         | 1         | 0        |          |
| 5          | Vị trí việc làm Quản lý thương mại - dịch vụ                | 2         | 0        | 2         | 2         | 0        |          |
| 6          | Vị trí việc làm Quản lý xuất nhập khẩu - hợp tác quốc tế    | 1         | 0        | 1         | 1         | 0        |          |
| 7          | Vị trí việc làm Quản lý cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng  | 1         | 0        | 1         | 1         | 0        |          |
| 8          | Vị trí việc làm Quản lý Kỹ thuật an toàn - Môi trường       | 2         | 0        | 2         | 2         | 0        |          |
| 9          | Vị trí việc làm Quản lý về năng lượng                       | 2         | 0        | 2         | 2         | 0        |          |
| 10         | Vị trí việc làm Quản lý quy hoạch - kế hoạch                | 1         | 0        | 1         | 1         | 0        |          |
| <b>III</b> | <b>Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ</b> | <b>3</b>  | <b>0</b> | <b>3</b>  | <b>3</b>  | <b>0</b> |          |
| 1          | Vị trí việc làm Công nghệ thông tin                         | 1         | 0        | 1         | 1         | 0        |          |
| 2          | Vị trí việc làm Tài chính - Kế toán                         | 1         | 0        | 1         | 1         | 0        |          |
| 3          | Vị trí việc làm Văn thư, lưu trữ                            | 1         | 0        | 1         | 1         | 0        |          |
|            | <b>Tổng cộng</b>                                            | <b>36</b> | <b>0</b> | <b>36</b> | <b>36</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |